

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày 05-4-2018

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sóc

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: không tham gia.

Ngày 05-4-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 27-02-2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Trụ sở chính: đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp: anh Lê Hồng T, sinh năm 1971, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng A chi nhánh huyện T2 (Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-6-2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng A và Giấy ủy quyền số 02/NHNo.HCNS ngày 09-10-2017 của Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh huyện T2). (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 (có mặt)

2.2 Bà Võ Thị L1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp V, xã V1, huyện T2, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện hợp pháp của Ngân hàng A (gọi tắt là ngân hàng) trình bày: ngày 28-4-2016, Ngân hàng A – Chi nhánh huyện T2 – Phòng giao dịch B với ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 ký kết hợp đồng tín dụng số 565/HĐTD, theo đó, ngân hàng cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 vay 160.000.000 đồng tiêu dùng trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày 28-4-2016 với lãi suất 11,5%/năm và có thể điều chỉnh lãi suất mỗi 06 tháng/01 lần theo quy định lãi suất của Ngân hàng A, lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc trả nợ lãi và vốn vay theo phân kỳ quý, năm; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 28-4-2021.

Để bảo đảm nghĩa vụ, ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp có diện tích 10.992 m² theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 386VG/HĐTC ngày 13-5-2015 (hợp đồng được chứng thực ngày 13-5-2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15-5-2015).

Đến nay, ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 chưa trả tiền vốn vay và cũng chưa nộp bất kỳ khoản tiền lãi nào; do vậy, ngân hàng yêu cầu ông Hứa Thành Hưng và bà Võ Hồng Loan phải trả 345.930.902 đồng (160.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 14-9-2017 là 185.930.902 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh.

* Bị đơn, ông Nguyễn Văn T1 thừa nhận có vay của Ngân hàng A số tiền 160.000.000 đồng và đến nay chưa trả vốn lãi cho ngân hàng, thừa nhận có thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp có diện tích 10.992 m². Nay do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị ngân hàng gia hạn thêm một khoảng thời gian để bán đất trả nợ.

Bà Võ Thị L1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L1 không có văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không liên hệ làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L1 về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 là bị đơn có nơi cư trú tại xã V1, huyện T2, tỉnh An Giang và tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự - hợp đồng vay tài sản, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: bà Võ Thị L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà Võ Thị L1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: hợp đồng tín dụng số 565/HĐTD ngày 28-4-2016 được các bên ký kết trên cơ sở quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng do thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: hợp đồng tín dụng số 565/HĐTD ngày 28-4-2016 được các bên tự nguyện ký kết trên cơ sở quy định của pháp luật nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Các bên đã thỏa thuận về việc chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm hợp đồng tín dụng được ghi nhận tại điểm b khoản 1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 565/HĐTD ngày 28-4-2016.

Các bên cũng thỏa thuận về thời hạn cho vay 60 tháng và kỳ hạn trả nợ được thực hiện theo phụ lục của hợp đồng; theo phụ lục kèm theo, kỳ hạn trả nợ được thực hiện vào các ngày 28-4-2017, 28-4-2018, 28-4-2019, 28-4-2020 và ngày 28-4-2021. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 không trả cho ngân hàng bất cứ khoản tiền nào là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn và chuyển số nợ vốn vay sang nợ quá hạn từ ngày 28-4-2017 là hoàn toàn đúng với các thỏa thuận giữa các bên.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử đã có đủ các căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 phải trả số tiền nợ vốn vay 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của ngân hàng yêu cầu ông T1 và bà L1 phải trả tiền lãi tính đến ngày 05-4-2018 là 36.127.329 đồng, ông T1 cũng thừa nhận đến ngày 05-4-2018, ông và bà L1 còn nợ tiền lãi của ngân hàng với số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của ngân hàng, buộc ông T1 và bà L1 phải trả lãi cho ngân hàng với số tiền 36.127.329 đồng.

[5] Về yêu cầu tiếp tục tính lãi: đại diện ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông T1 và bà L1 trả dứt nợ còn ông T1 không đồng ý với yêu cầu này; xét trình bày của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định nếu bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ còn phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả; đối chiếu với quy định trên, yêu cầu tiếp tục tính lãi của ngân hàng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1, là bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng phần yêu cầu của ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 phải trả cho Ngân hàng A số tiền 196.127.329 đồng (160.000.000 đồng tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 05-4-2018 là 36.127.329 đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 05-4-2018 trên số nợ vốn vay theo mức lãi suất được ghi trong hợp đồng tín dụng số 565/HĐTD ngày 28-4-2016 được Ngân hàng A ký kết với ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 cho đến khi trả dứt nợ.

Về án phí:

Ông ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị L1 phải nộp 9.806.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng A 8.648.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018165 ngày 03-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hưng